

Bản án số: 678/2019/KDTM-PT

Ngày: 31/7/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Biện Thị Hoa**

Các Thẩm phán: Bà **Ủ Thị Bạch Yến**

Bà **Vũ Thị Thu Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hiền** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Thanh Hải** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2019/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2875/2019/QĐXX-PT ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn L.**

Trụ sở: 5A quốc lộ E, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Đình H.**, sinh năm: 1990.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn Th.**, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Số 9 đường Đ, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền lập ngày 22/8/2018;

(Ông Th có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Thiết Kế P.**

Trụ sở: Ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần P1**, sinh năm: 1972 – Chức danh: Giám đốc.

Chỗ ở hiện tại: ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.  
(Ông P1 có mặt tại phiên tòa)

Người kháng cáo: **Nguyễn đơn:** Công ty TNHH L

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm - Nguyễn đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn Th trình bày:*

Ngày 23 tháng 3 năm 2016 Công ty TNHH L (sau đây gọi tắt là Công ty L) và Công ty TNHH Một Thành Viên Thiết Kế P (sau đây gọi tắt là Công ty P) ký hợp đồng mua bán số 0145/DL-TP để mua bán chai thủy tinh.

Theo Điều 1 của hợp đồng thì Công ty L và Công ty P ký hợp đồng mua bán loại chai thủy tinh 120 ml (không nắp); Số lượng: 50.000 cái; Đơn giá: 4.250 VNĐ/cái; Thành tiền: 212.500.000 VNĐ.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty L đã tiến hành làm mẫu để gửi cho Công ty P duyệt mẫu. Được sự đồng ý của Công ty P, Công ty L đã tiến hành sản xuất đơn hàng là 20% thành tiền 42.500.000 đồng trả bằng tiền mặt.

Sau khi đặt cọc đơn hàng, Công ty P liên tục yêu cầu giao hàng sớm hơn thỏa thuận và còn đề nghị sẽ đặt lô hàng tiếp theo sau khi đã giao xong lô hàng đầu tiên cũng với số lượng như lần một. Trước yêu cầu giao hàng sớm của Công ty P, Công ty L cũng đã nỗ lực đáp ứng và đã giao cho công ty số lượng 908 thùng x 48 chai/ thùng. Số lượng chai còn lại đã được hai công ty thống nhất sẽ chạy sản xuất cho đơn hàng sau đó mà bên mua đã có kế hoạch đặt hàng.

Việc giao hàng có ký nhận trực tiếp của giám đốc Công ty P vào phiếu xuất kho và hứa 15 ngày sau sẽ thanh toán hết số tiền đối với lô hàng đã nhận. Sau 15 ngày, không thấy bên mua thanh toán như cam kết, bên bán gọi điện thoại hỏi thanh toán thì được bên mua khất hứa thanh toán lại thêm một tuần. Sau một tuần, Công ty L lại gọi điện thoại để yêu cầu thanh toán lô hàng, nhưng bên mua nói bên Thorakao (khách hàng bên mua) chưa thanh toán nên chưa có tiền và xin khất lại hai tuần nữa sẽ thanh toán. Sau hai tuần liên hệ thì Công ty P hứa thanh toán trước 30 triệu đồng nhưng tới nơi thì bên mua không đủ tiền nên chỉ thanh toán trước 25 triệu đồng, trả bằng tiền mặt, có phiếu chi của Công ty P, số tiền còn lại bên mua hứa sẽ thanh toán sau một tháng. Sau đó Công ty L tiếp tục gọi điện thoại yêu cầu trả tiền thì Công ty Bao Bì P lại đề nghị giao thêm hàng rồi mới thanh toán tiền một lần.

Do Công ty P không thanh toán tiền hàng đúng hạn nên Công ty L khởi kiện yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền còn nợ là 117.732.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P phải thanh toán số tiền nợ mua hàng là 110.732.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời yêu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết giữa hai bên do Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngoài ra, nguyên đơn xác nhận bị đơn

đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền mua hàng là 74.500.000 đồng (trong đó có 7.000.000 đồng tiền đặt cọc bộ khuôn), hiện bộ khuôn nguyên đơn đang giữ và nguyên đơn không có một văn bản hay thông báo nào gửi cho bị đơn thông báo về việc chấm dứt hợp đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty P yêu cầu Công ty L giao đủ số lượng còn lại là 6.416 chai theo hợp đồng, bộ khuôn mẫu thì ông đại diện Công ty L không đồng ý vì phía Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty L yêu cầu chấm dứt hợp đồng; mặt khác trong hợp đồng và phụ kiện hợp ký kết giữa hai bên không có điều khoản nào quy định phía Công ty L phải giao trả lại bộ khuôn cho bị đơn.

Về việc tại phiên tòa, Công ty P xin rút lại một phần yêu cầu phản tố, không yêu cầu Công ty L bồi thường thiệt hại số tiền 21.641.000 đồng do giao hàng chậm thì ông đại diện cho Công ty L đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện rút lại một phần yêu cầu phản tố này của Công ty P.

*Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 04/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm – bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên Thiết Kế P có người đại diện theo pháp luật là ông Trần P1 trình bày:*

Công ty L cho rằng Công ty P vi phạm về điều khoản thanh toán là không đúng so với điều khoản thanh toán trong hợp đồng ký ngày 23/3/2016. Trong hợp đồng điều khoản về thanh toán có ghi rõ: Công ty bên B phải thanh toán số tiền còn lại cho Công ty bên A trong vòng 7 ngày khi Công ty bên A đã giao đủ hàng tại kho cho bên B. Đến nay không hiểu vì lý do gì mà bên Công ty L vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ giao đủ hàng cho Công ty P để có căn cứ đến thời hạn cho Công ty P phải trả tiền. Trong phần thực hiện hợp đồng Công ty P đã ứng tiền để Công ty L thực hiện phần nghĩa vụ giao hàng của mình.

Vì vậy Công ty P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty L vì phía Công ty P không vi phạm hợp đồng và nghĩa vụ thanh toán. Công ty P có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án buộc Công ty L tiếp tục giao nốt số hàng còn lại, giao trả lại bộ khuôn và bồi thường thiệt hại với số tiền 21.641.000 đồng do Công ty L giao hàng chậm. Sau đó Công ty P sẽ thanh toán số tiền còn lại như trong thỏa thuận hợp đồng cho Công ty L.

Ông P1 cũng xác nhận, đến nay Công ty P đã thanh toán cho Công ty L số tiền 84.500.000 đồng (trong đó có số tiền 17.000.000 đồng đặt cọc bộ khuôn 7.000.000 đồng có ký nhận còn 10.000.000 đồng đưa cho Công ty L không có ký nhận hay hóa đơn chứng từ gì). Đối với số tiền Công ty P đã đặt cọc bộ khuôn phía Công ty L thì Công ty P không yêu cầu Công ty L hoàn trả lại mà chỉ yêu cầu Công ty L tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao đủ số lượng còn lại là 6.416 chai theo hợp đồng và bộ khuôn mẫu. Sau khi nhận đủ hàng và bộ khuôn mẫu Công ty P sẽ thanh toán đủ tiền hàng cho Công ty L.

Tại phiên tòa ngày 22 tháng 3 năm 2019 và phiên tòa ngày 16 tháng 4 năm 2019 ông P1 xác nhận xin rút lại một phần yêu cầu phản tố, không yêu cầu

Công ty L bồi thường thiệt hại số tiền 21.641.000 do giao hàng chậm; đồng thời xác nhận Công ty L đã giao được 43.584 chai. Như vậy số lượng chai thủy tinh còn lại phải giao theo hợp đồng phải là 6.416 chai nên Công ty P yêu cầu Tòa án buộc Công ty L giao đủ số lượng còn lại theo hợp đồng số 0145/DL-TP đã ký ngày 23 tháng 3 năm 2016 là 6.416 chai và giao trả lại bộ khuôn mẫu. Sau khi nhận đủ hàng và bộ khuôn mẫu Công ty P sẽ thanh toán đủ tiền hàng cho Công ty L.

Tại bản án số 07/2019/KDTM-ST ngày 22-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P phải thanh toán số tiền nợ mua hàng là 110.732.000 (một trăm mười triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P về việc buộc nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải bồi thường thiệt hại số tiền 21.641.000 (hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn) đồng do giao hàng chậm.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P về việc buộc nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải giao đủ số lượng hàng còn lại là 6.416 (sáu nghìn bốn trăm mười sáu) chai theo hợp đồng.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải giao đủ số lượng hàng còn lại là 6.416 (sáu nghìn bốn trăm mười sáu) chai theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán số 0145/DL-TP ngày 23/3/2016.

Việc thanh toán tiền hàng sẽ được các bên thực hiện theo Điều 3 của Hợp đồng số 0145/DL-TP ngày 23/3/2016.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P về việc buộc nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải giao trả lại bộ khuôn mẫu.

Ngày 22/4/2019, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L kháng cáo toàn bộ bản án số 07/2019/KDTM-ST ngày 22-4-2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với lý do không đồng ý với nội dung bản án, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm của TAND huyện Bình Chánh, chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### **Tại phiên Toà phúc thẩm các đương sự trình bày:**

**Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:** Theo hợp đồng số 0145/DL-TP ngày 23/3/2016 ký giữa công ty L và công ty P quy định tại Điều III như sau: “*Thanh toán bằng chuyển khoản 30% số tiền là 63.750.000 đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng mua bán và duyệt mẫu*”. Tại Điều IV Hợp đồng

quy định: “*Thanh toán đầy đủ cho bên A theo đúng Điều III của hợp đồng. Nếu thời gian thanh toán chậm quá thời gian quy định từ 3-5 ngày, Bên B chịu phạt 0.1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày quá hạn*”.

Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng công ty P không thực hiện đúng thỏa thuận thanh toán, chỉ thanh toán bằng tiền mặt cho công ty L 42.500.000 đồng và 7.000.000 đồng tiền đặt khuôn vào ngày 09/5/2016.

Như vậy, rõ ràng công ty P đã không thực hiện đúng thỏa thuận tại Điều III, Điều IV trong Hợp đồng mua bán số 0145/DL-TP ngày 23/3/2016 về phương thức thanh toán cũng như số tiền thanh toán. Vi phạm về điều khoản thanh toán cũng là vi phạm nghĩa vụ cơ bản mà pháp luật quy định.

Việc đại diện của công ty P nài ra hàng công ty L giao bị sai, bị lỗi không sử dụng được là không có căn cứ và bịa đặt. Công ty L giao cho công ty P 908 thùng x 48 chai/ thùng và được chính giám đốc là ông Trần P1 nhận kiểm tra và xác nhận. Việc công ty P tiếp tục trả tiền sau gần 2 tháng giao hàng cũng chứng tỏ không có chuyện hàng lỗi như bị đơn nài ra.

Việc Công ty P trong đơn phản tố yêu cầu Công ty L giao đủ số lượng hàng còn lại là 6.700 chai theo hợp đồng, giao trả bộ khuôn mẫu và bồi thường thiệt hại số tiền 21.641.000 đồng là không có cơ sở pháp lý, bởi: Hai bên đã thỏa thuận số lượng hàng còn lại là 6.700 chai sẽ chạy sản xuất cho đơn hàng sau đó mà bên mua đã có kế hoạch đặt hàng. Sau khi Công ty L giao hàng xong (908 thùng x 48 chai/thùng), Công ty P đã thanh toán tiếp 25 triệu đồng cho Công ty L và hứa sẽ thanh toán số tiền còn lại. Như vậy, giữa hai bên đã xác lập một hợp đồng mới và công ty P đã chấp thuận thực hiện theo thỏa thuận trên. Đồng thời, từ ngày giao số hàng đầu tiên đến ngày Công ty L khởi kiện, phía công ty P cũng chưa có một văn bản nào yêu cầu Công ty L giao tiếp số hàng trên, lý do này chỉ được nài ra khi bị nguyên đơn khởi kiện đến tòa án.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại tòa nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn cung cấp chứng cứ về thiệt hại xảy ra nhưng bị đơn không cung cấp được, cũng không chứng minh được thiệt hại. Việc Công ty P trong đơn phản tố yêu cầu Công ty L giao trả bộ khuôn mẫu là không có căn cứ. Công ty L và công ty P không có một thỏa thuận nào về việc giao trả bộ khuôn trong bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng mua bán số 0145/DL-TP ngày 23/3/2016 cũng như trong Phụ kiện hợp đồng số 01/0145/DL-TP ngày 23/3/2016.

Do đó, việc Công ty L yêu cầu Công ty P phải thanh toán số tiền hàng còn lại là 110.732.000 đồng, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt Hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký giữa hai bên là hoàn toàn có cơ sở pháp lý và đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu của công ty L.

**Đại diện của bị đơn trình bày:** Khi nguyên đơn không thực hiện nghĩa vụ giao đủ hàng và không trả lại bộ khuôn cho bị đơn, phía bị đơn đã chịu rất nhiều thiệt hại. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn tiếp tục giao đủ số lượng chai thủy tinh theo hợp đồng là 50.000 chai, sau đó bị đơn sẽ thanh toán số tiền còn thiếu cho phía nguyên đơn theo đúng thỏa thuận các bên trong hợp đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:***

Đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn luật định. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bác yêu cầu kháng cáo của công ty L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2019/KDTM-ST ngày 22/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:*

**I- Về hình thức:** Đơn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn L nộp Tòa án trong thời hạn luật định.

**II- Về nội dung vụ án:**

Tại phiên tòa hôm nay người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Căn cứ hợp đồng mua bán ngày 23/3/2016 giữa Công ty TNHH L (sau đây gọi tắt là Công ty L) và Công ty TNHH MTV Thiết kế P (sau đây gọi tắt là Công ty P) thì: “Công ty L sản xuất cho công ty P 50.000 chai thủy tinh với đơn giá 4.250đồng/chai với tổng tiền là 212.500.000 đồng.

Điều 3: Điều khoản thanh toán:....Thanh toán bằng chuyển khoản 30% số tiền: 63.750.000 đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng mua bán và duyệt mẫu, số tiền còn lại bên B sẽ thanh toán hết trong vòng 7 ngày sau khi bên A giao đủ hàng tại kho cho bên B...”. Sau khi ký hợp đồng, công ty P chỉ thanh toán cho công ty L 42.500.000 đồng là không đảm bảo tiến độ thanh toán theo hợp đồng (đạt 20%), nhưng công ty L vẫn tiếp tục sản xuất hàng và giao cho công ty P, chứng tỏ công ty L chấp nhận việc công ty P không thực hiện đúng theo hợp đồng. Sau đó, công ty P đã thanh toán tiếp cho công ty L số tiền là 25.000.000 đồng, tổng tiền mà công ty P đã thanh toán là 67.500.000 đồng, đạt hơn 30% giá trị hợp đồng hai bên đã ký kết, và đã đảm bảo việc thanh toán theo hợp đồng. Các bên đã thỏa thuận thanh toán hết tiền trong vòng 07 ngày sau khi bên công ty L giao đủ hàng tại kho cho công ty P. Do đó, khi công ty L chưa giao đủ số lượng 50.000 chai thủy tinh mà yêu cầu công ty P thanh toán số tiền

110.732.000 đồng là không đúng theo thỏa thuận giữa các bên. Đối với ý kiến của nguyên đơn cho rằng hai bên đã thỏa thuận số lượng hàng còn lại là 6.700 chai sẽ chạy sản xuất cho đơn hàng sau đó mà bên mua đã có kế hoạch đặt hàng, bị đơn không thừa nhận nội dung này và nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lập luận của mình, theo Điều 3 của Hợp đồng thì công ty P không vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 Luật Thương mại 2005. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên công ty L phải giao đủ số lượng hàng còn lại là 6.416 chai theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán, và các bên thực hiện thanh toán tiền hàng theo Điều 3 của Hợp đồng số 0145/DL-TP ngày 23/3/2016 là có căn cứ pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa: Căn cứ Phiếu xuất kho số 2206/XK-DL ngày 22/6/2016 thì công ty L đã xuất 43.584 chai, có đại diện theo pháp luật của công ty P là ông Trần P1 ký tên. Đồng thời căn cứ lời khai của hai bên có đủ cơ sở xác định hợp đồng chưa hoàn thành, trong hợp đồng các bên ký kết không có thỏa thuận về việc chấm dứt hợp đồng, công ty L đã không thông báo hợp lệ cho bị đơn về việc chấm dứt hợp đồng, đồng thời bị đơn cũng không đồng ý với yêu cầu chấm dứt hợp đồng của công ty L. Căn cứ quy định tại Điều 422, Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015, yêu cầu chấm dứt hợp đồng mua bán hàng hóa của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

### ***III- Về án phí:***

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận và chịu án phí kinh doanh thương mại đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do yêu cầu phản tố của bị đơn không được chấp nhận

- Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

*Vì các lẽ nêu trên;*

*Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50, Điều 305 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Điều 408, Điều 422, Điều 428 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử: Y án sơ thẩm**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P về việc yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P phải thanh toán số tiền nợ mua hàng là 110.732.000 (một trăm mười triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn) đồng.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P về việc buộc nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải bồi thường thiệt hại số tiền 21.641.000 (hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn) đồng do giao hàng chậm.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P về việc buộc nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải giao đủ số lượng hàng còn lại là 6.416 (sáu nghìn bốn trăm mười sáu) chai theo hợp đồng.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải giao đủ số lượng hàng còn lại là 6.416 (sáu nghìn bốn trăm mười sáu) chai theo thỏa thuận trong hợp đồng mua bán số 0145/DL-TP ngày 23/3/2016.

Việc thanh toán tiền hàng sẽ được các bên thực hiện theo Điều 3 của Hợp đồng số 0145/DL-TP ngày 23/3/2016.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P về việc buộc nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải giao trả lại bộ khuôn mẫu.

### **5. Về án phí:**

Án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.536.600 (năm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận và chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0030536 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn L còn phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.536.600 (năm triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (ba triệu) đồng đối với yêu cầu phản tố

của bị đơn không được chấp nhận nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 (ba triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0005673 ngày 06/8/2018 và Biên lai thu số AA/2017/0046462 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một Thành Viên P đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn L phải chịu số tiền án phí là 2.000.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0025249 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Công ty Trách nhiệm hữu hạn L đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

*Nơi nhận:*

- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Hiền).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Biện Thị Hoa**